

Bản án số: 137/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 05-6-2024

V/v Ly hôn, nuôi con chung
giữa chị G, anh K

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đính.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Phong;

Ông Lưu Văn Đề.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đính – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Thành Long – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 26/2024/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2024 về việc xin ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Trà G, sinh năm 1996; địa chỉ: Xóm 12, xã P, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Phạm Thị Ninh – Luật sư Văn phòng Luật sư Minh Đức – Đoàn Luật sư tỉnh Nam Định

- Bị đơn: Anh Phạm Văn K, sinh năm 1992; địa chỉ: Xóm 12, xã P, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Hiện đang chấp hành hình phạt tù tại Đội 9, phân trại số 2 Trại giam Xuân Nguyên, thành phố Hải Phòng.

(Có mặt Luật sư Ninh; vắng mặt chị G, anh K).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 26 tháng 01 năm 2024 của chị G và trong quá trình xét xử Luật sư Phạm Thị Ninh là người bảo vệ quyền và lợi ích cho chị G cùng thống nhất trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Trà G và anh Phạm Văn K kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 15/12/2015. Sau khi kết hôn, chị G và anh K chung sống hạnh phúc tại nhà bố mẹ đẻ của anh K được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm lối sống khác nhau nên trong cuộc sống phát sinh nhiều mâu thuẫn cãi chửi nhau. Đầu năm 2022 chị G đã đưa 02 con về nhà bố mẹ đẻ ở xã Xuân Phương, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định sinh sống từ đó đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân anh K đã vi phạm pháp luật nên ngày 27/02/2023 đã bị Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh tuyên phạt 3 năm 8 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”, hiện đang chấp hành án tại Trại giam Xuân Nguyên – Hải Phòng. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị G làm đơn xin được ly hôn anh K.

Về con chung: Chị G và anh K có 02 con chung là cháu Phạm A, sinh ngày 28/7/2016 và cháu Phạm Nhật Đ, sinh ngày 13/3/2019. Hiện nay 02 con chung đang ở cùng với chị G. Khi ly hôn, chị G xin được nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị G.

Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung của vợ chồng: Chị G và anh K không có tài sản chung, không vay nợ của ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 18/3/2024, bị đơn anh Phạm Văn K có lời khai phù hợp với lời khai của chị G về quá trình tìm hiểu, kết hôn, chung sống. Theo anh K nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do tháng 10/2021 anh đã phát hiện chị G có hành vi không chung thủy nên trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Mặc dù có mâu thuẫn nhưng anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh K xác nhận vợ chồng có 02 con chung như chị G trình bày. Do anh đang phải chấp hành án, không có điều kiện chăm sóc các con chung nên anh đồng ý cho chị G nuôi dưỡng. Sau khi anh chấp hành án xong có điều kiện anh xin được nuôi dưỡng 02 con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung: Anh xác nhận không có tài sản chung, không vay nợ của ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn trong

quá trình giải quyết vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Tòa án căn cứ K 1 Điều 56 và các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Trà G và anh Phạm Văn K. Về con chung, giao 02 con chung cho chị G nuôi dưỡng, anh K không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị G.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Trà G và anh Phạm Văn K đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ K 1 Điều 227, K 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị G, anh K là phù hợp.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Trà G và anh Phạm Văn K là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được UBND xã P, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn ngày 15/12/2015. Trong cuộc sống vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn nên từ đầu năm 2022 đến nay, hai người đã sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, trách nhiệm đối với nhau. Nay chị G yêu cầu xin được ly hôn, anh K không đồng ý.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Trà G thì thấy: Sau khi kết hôn, trong cuộc sống vợ chồng do tính tình không hợp và thiếu tin tưởng nhau trong cuộc sống. Đến nay chị G và anh K đã có thời gian sống ly thân lâu, nhưng cả hai người không có biện pháp nào để vợ chồng về chung sống đoàn tụ. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị G và anh K đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị G là phù hợp với quy định tại K 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Trà G và anh Phạm Văn K có 02 con chung là cháu Phạm A, sinh ngày 28/7/2016 và cháu Phạm Nhật Đ, sinh ngày 13/3/2019, hiện con chung đang do chị G nuôi dưỡng. Khi ly hôn nguyện vọng của chị G xin được nuôi dưỡng 02 con chung. Anh K đồng ý.

Xét nguyện vọng và điều kiện nuôi dưỡng con chung của chị G thì thấy: Chị Nguyễn Thị Trà G có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, trong khi anh K đang phải chấp hành án phạt tù. Trong quá trình giải quyết vụ án, cháu A cũng có nguyện vọng xin được ở với chị G. Do đó, để đảm bảo sự phát triển mọi mặt của các con chung nên cần tiếp tục giao cháu A và cháu Khôi cho chị G nuôi dưỡng; do chị G không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị G nên về nghĩa vụ nuôi con không đặt ra giải quyết là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Hai bên có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung của vợ chồng: Chị G và anh K xác nhận không có tài sản chung, không vay nợ của ai và không cho ai vay nợ nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Trà G phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ K 1 Điều 56 và các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; K 1 Điều 227, K 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Trà G và anh Phạm Văn K.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Phạm A, sinh ngày 28/7/2016 và Phạm Nhật Đ, sinh ngày 13/3/2019 cho chị Nguyễn Thị Trà G trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Phạm Văn K không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị G. Hai bên có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung.

Nghĩa vụ bàn giao: Do cháu Phạm A và cháu Phạm Nhật Đ đang do chị G nuôi dưỡng nên 02 bên không phải thực hiện nghĩa vụ bàn giao con chung cho nhau.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, K 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ- UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị Trà G phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0003028 ngày 29/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hải Hậu; chị G đã nộp đủ án phí.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện + Tỉnh;
- Chi cục THA dân sự huyện Hải Hậu;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Hồ sơ vụ án;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Đính